

Số: *1681*/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày *22* tháng *9* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) dự án:
Trường Tiểu học – THCS Sùng Phài**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;
Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;
Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Ban hành Quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ

gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2181/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND thành phố Lai Châu V/v phê duyệt dự án: Trường Tiểu học – THCS Sùng Phài;

Căn cứ Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu về việc Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Trường Tiểu học – THCS Sùng Phài;

Căn cứ Quyết định số 2792/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 03 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trường phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 749/TTr-TNMT ngày 20/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) dự án: Trường Tiểu học – THCS Sùng Phài, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **251.490.740 đồng**.

(Bằng chữ: Hai trăm năm mươi một triệu bốn trăm chín mươi nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	177.147.352 đồng
+ Về đất:	9.484.200 đồng
+ Về tài sản vật kiến trúc:	132.892.552 đồng
+ Về cây cối, hoa màu:	6.318.000 đồng
+ Về chính sách hỗ trợ	28.452.600 đồng

- Dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 74.343.388

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban Quản lý dự án; Chủ tịch UBND xã Sùng Phài; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ (BỔ SUNG)
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC - THCS SÙNG PHÀI**

(Kèm theo Quyết định số 1684/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
<u>A</u>	<u>Tổng cộng</u>				<u>177,147,352</u>	
I	Chi trả cho chủ sở hữu				177,147,352	
1	Về đất				9,484,200	
2	Về tài sản vật kiến trúc				132,892,552	
3	Về cây cối hoa màu				6,318,000	
4	Về chính sách hỗ trợ				28,452,600	
<u>B</u>	<u>Chi tiết cho các hộ dân/tổ chức</u>				<u>177,147,352</u>	
<u>1</u>	<u>Họ và tên: SÙNG A HỒ</u>					
	Địa chỉ thường trú: bản Suối Thầu - xã Sùng Phài - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				37,414,675	
a	Về đất				1,330,000	
1	Diện tích thu hồi	m ²	38.0			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây hằng năm	m ²	38.0	35,000	1,330,000	
	Vị trí: Vị trí 1					
	Nguồn gốc: thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ261782 do UBND huyện Tam Đường cấp ngày 16/5/2017 cho ông Sùng A Hồ. Mục đích sử dụng đất: đất ở nông thôn và đất trồng cây hằng năm khác. Gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.					
b	Về Tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản trên đất thu hồi do gia đình ông Sùng A Hồ tạo lập năm 2015, sử dụng ổn định không tranh chấp. Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất của dự án, không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản xây dựng, tạo lập đúng mục đích sử dụng đất)				31,662,675	
b1	Tài sản nằm trên đất thu hồi					

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	<i>Tài sản xây dựng đúng mục đích sử dụng đất bồi thường 100% giá trị (Quy định tại Điểm c Khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)</i>					
1	Kè đá xây (3.0*3.0*0.1)	m ³	4.50	392,700	1,767,150	
2	Chuồng lợn xây gạch bi tường 12, mái lợp tôn, nền láng VXM (3.0*5.5)	m ²	16.50	341,000	5,626,500	
3	Khối lượng đào đắp đất (38.0 x cao 3,5m)	m ³	133.00	82,500	10,972,500	
b2	Tài sản ảnh hưởng					
1	Kè đá xây (2.5*3.0*0.5)	m ³	3.8	392,700	1,472,625	
2	Chuồng lợn, trâu, bò xây gạch bi tường 12, mái lợp ngói, nền láng VXM (1.0*5.5)+(2.5*7.0)	m ²	23.0	341,000	7,843,000	
3	Bể nước xây gạch đỏ T11 không nắp bê tông thể tích <6m ³ (0.8*2.5*3.5)	m ³	7.0	568,700	3,980,900	
c	Về cây cối hoa màu				432,000	
1	Cây cỏ voi	m ²	10	4,800	48,000	
2	Cây ăn quả trồng hạt NT4	Cây	2	192,000	384,000	
d	Về chính sách hỗ trợ				3,990,000	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây hàng năm)	m ²	38.0	105,000	3,990,000	
2	<u>Ho và tên: LƯƠNG THẾ MƯỜI</u>					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 1 - phường Tân Phong - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				<u>104,472,877</u>	
a	Về đất				2,600,500	
1	Diện tích thu hồi	m ²	74.3			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây hàng năm	m ²	74.3	35,000	2,600,500	
	Vị trí: Vị trí 1					
	Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 261783 do UBND huyện Tam Đường cấp ngày 08/5/2017 cho ông Lương Thế Mười và bà Phạm Thị Thu Hằng. Mục đích sử dụng đất: đất ở nông thôn và đất trồng cây hàng năm khác. Gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp					
b	Về Tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản trên đất thu hồi do ông Lương Thế Mười tạo lập năm 2015 trước khi có kế hoạch sử dụng đất của dự án, không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Sử dụng ổn định, không tranh chấp. Tài sản xây dựng, tạo lập đúng mục đích sử dụng đất)				94,070,877	
b1	Tài sản trên đất thu hồi					
	Tài sản xây dựng đúng mục đích sử dụng đất bồi thường 100% giá trị (Quy định tại Điểm c Khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)					

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Nhà khung cột sắt fi 90 mái lợp tôn trắng khung sắt dàn mái; vây lưới cao 2,7m (3.0*24.0) (phục vụ sản xuất nông nghiệp, phơi chè,...)	m ²	72	315,480	22,714,560	
2	Nền bê tông đá dày 20cm (3.0*24.0) (phục vụ sản xuất nông nghiệp, phơi chè,...)	m ²	72	167,200	12,038,400	
3	Khung sắt lưới B40 (3.5*6.0)	m ²	21	123,200	2,587,200	
4	Máng tôn (3.0*2)	m	6	43,636	261,816	
5	Khối lượng đào đắp đất thủ công (74.3	m ³	260.05	82,500	21,454,125	
b2	Tài sản ảnh hưởng					
1	Nhà khung cột sắt fi 90 mái lợp tôn trắng khung sắt dàn mái; vây lưới cao 2,7m (3.0*24.0) (phục vụ sản xuất nông nghiệp, phơi chè,...)	m ²	72.0	315,480	22,714,560	
2	Nền bê tông đá dày 20cm (3.0*24.0) (phục vụ sản xuất nông nghiệp, phơi chè,...)	m ²	72.0	167,200	12,038,400	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
3	Máng tôn (3.0*2)	m	6.0	43,636	261,816	
<i>c</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				7,801,500	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây hằng năm)	m ²	74.3	105,000	7,801,500	
3	Họ và tên: CHÉO U NẢI					
	Địa chỉ thường trú: bản Cư Nhà La - xã Sùng Phài - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				<u>24,543,600</u>	
<i>a</i>	<i>Về đất</i>				4,872,900	
1	Diện tích thu hồi	m ²	131.7			
2	Loại đất:					
2.2	Đất trồng cây lâu năm	m ²	131.7	37,000	4,872,900	
	Vị trí: Vị trí 1					
	Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 142362 do UBND huyện Tam Đường cấp ngày 31/12/2019 cho					
<i>c</i>	<i>Về cây cối hoa màu</i>				5,052,000	



STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Sản lượng cnc (năng suất 25 tấn/ha/năm x 120m ² x 02 năm)	Kg	650	6,000	3,900,000	
2	Cây ăn quả trồng hạt NT4	Cây	6	192,000	1,152,000	
<i>d</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				14,618,700	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m ²	131.7	111,000	14,618,700	
4	Họ và tên: HÀNG A PÀ					
	Địa chỉ thường trú: bản Cư Nhà La - xã Sùng Phài - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				10,716,200	
<i>a</i>	<i>Về đất</i>				680,800	
1	Diện tích thu hồi	m ²	18.4			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	18.4	37,000	680,800	
	Vị trí: Vị trí 1					
	Nguồn gốc: Đất do gia đình mẹ đẻ là bà Giàng Thị Mê tự khai hoang năm 1995. Đến năm 2007 tặng cho con trai Hàng A Pà không có giấy tờ. Mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, sử dụng ổn định, không tranh chấp.					
<i>b</i>	<i>Về Tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản trên phần diện tích đất thu hồi do ông Hàng A Pà tạo lập năm 2007. Trước khi có quy hoạch sử dụng đất của dự án, không bị lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính. Tài sản xây dựng, tạo lập đúng mục đích sử dụng đất. Sử dụng ổn định, không tranh chấp</i>				7,159,000	



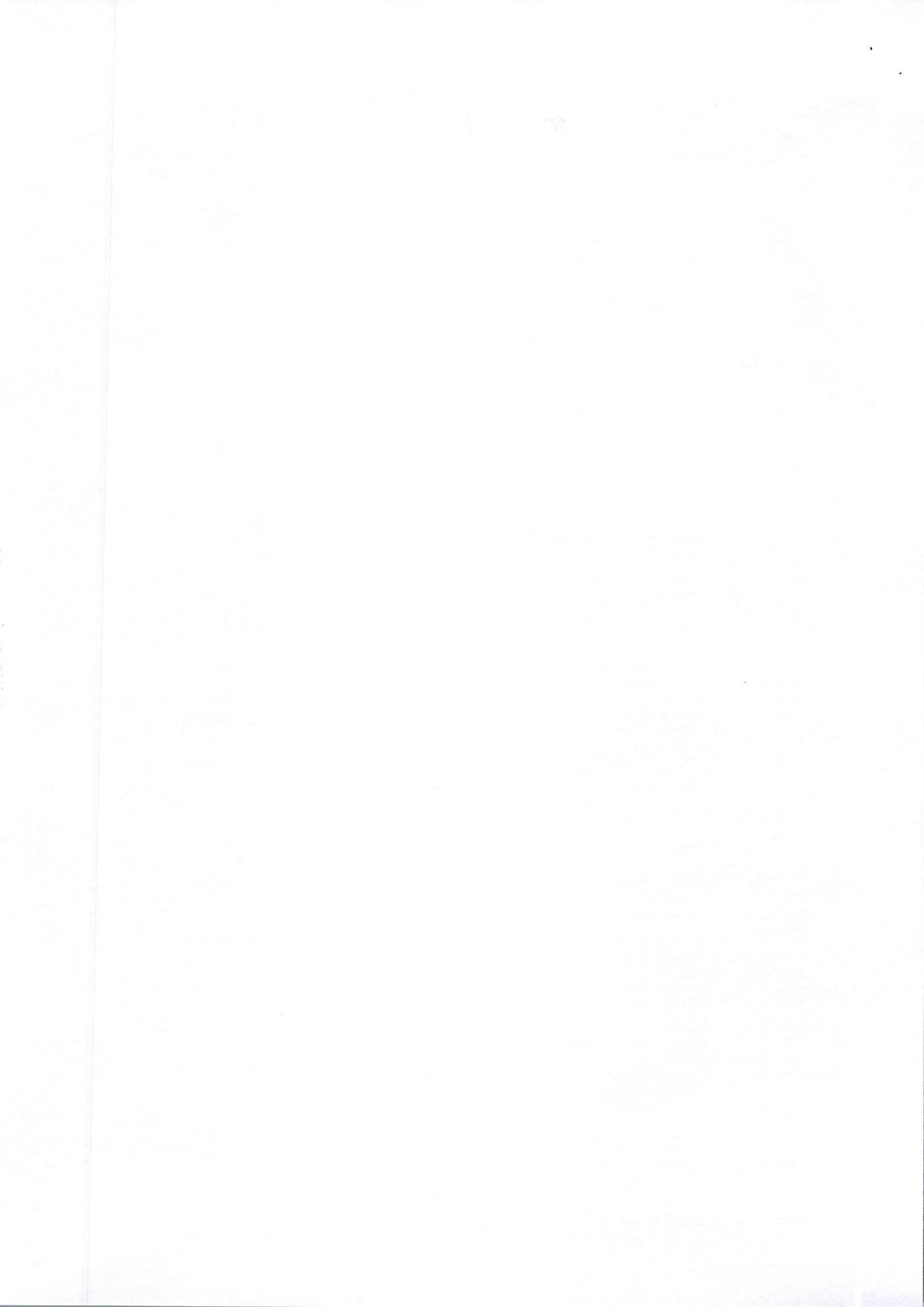
STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
<p><i>Tài sản xây dựng đúng mục đích sử dụng đất bồi thường 100% giá trị (Quy định tại Điểm c Khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)</i></p>						
1	Dây thép gai	m	180.0	5,000	900,000	
2	Khôi lượng đào đắp đất thủ công (18.4*3.0)	m ³	46.0	82,500	3,795,000	
3	Hàng rào khung sắt lưới B40 (2.0*10)	m ²	20.0	123,200	2,464,000	
c	Về cây cối hoa màu				834,000	
1	Sản lượng chè (năng suất 25 tấn/ha/năm x15	Kg	75.0	6,000	450,000	
2	Cây ăn quả trồng hạt NT4	Cây	2	192,000	384,000	
d	Về chính sách hỗ trợ				2,042,400	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m ²	18.4	111,000	2,042,400	



KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN
Dự án: Trường Tiểu học - THCS Sùng Phái

(Kèm theo Quyết định số 488 QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Hạng mục chi phí	Đơn vị	Giá trị dự toán thẩm định của phòng Tài chính - Kế hoạch					Ghi chú
			Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng dự toán (đồng)	
I	DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN (1+2)						74,343,388	
1	Kinh phí cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chi cho công tác tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư						64,322,930	
a	Kinh phí cho TTPT quỹ đất thành phố thực hiện các nhiệm vụ tổ chức bồi thường, hỗ trợ tái định cư						25.421.410	
b	Chi phí định giá đất cụ thể (Đã được phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 2359 QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Tư vấn định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất 03 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu với giá trị là 31.748.000 đồng)						31.748.000	
c	- Chi trích đo địa chính khu đất phục vụ công tác bồi thường và cắm mốc giới phóng mặt bằng xây dựng công trình và kiểm tra nghiệm thu (Đã được phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán tại Quyết định số 2333 QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính khu đất phục vụ lập hồ sơ bồi thường và cắm mốc GPMB xây dựng công trình: Trường Tiểu học - THCS Sùng Phái với giá trị là 7.193.495 đồng)						7.153.520	
2	Chi thẩm định cho các cơ quan liên quan						10,020,458	
II	CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN (1+2+3+4+5+6+7)						74.343.388	
1	Chi tuyên truyền, thông báo quyết định thu hồi đất và các chế độ chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư						1,000,000	
	Chi cho nhân công không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (Tổ trưởng, thuê nhân công tổ dân phố) để thực hiện tuyên truyền, thông báo quyết định thu hồi đất và các chế độ chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Người	1	10		100.000	1.000.000	
2	Chi kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại gồm						12,298,470	
a	- Chi tiền thù lao cho Tổ trưởng, nhân công tổ dân phố tham gia vào dự án	Người	1	10		100.000	1.000.000	
b	- Chi tiền công, các khoản đóng góp cho lao động thường xuyên theo hợp đồng (01 hợp đồng):	Người/ tháng						
	+ Tiền công trả cho người lao động theo Luật lao động ((2,34 - 0,5) * 1.490.000đ * 6 tháng)							
	+ Các khoản Đóng góp : BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN (Tổng 23,5%)							
c	- Chi tiền làm thêm giờ cho công chức, viên chức, người lao động: (Không quá 200h/năm) Lương Bq giờ: (27,77+0,5+4,5)*1.490.000 đồng/ 22 ngày/8 giờ/9 người*200% = 61.650 đồng	Người/ Ngày/ Giờ	3	5	6	46.055	4.144.950	Chi tiền làm thêm giờ cho công chức, viên chức, người lao động: (Không quá 200h năm) Lương bình quân giờ: (Hệ số theo bảng lương tháng 5 của đơn vị: 23,83+0,65)*1.490.000 đồng. 22 ngày/8 giờ 9 người*200% = 46.055 đồng



TT	Hạng mục chi phí	Đơn vị	Giá trị dự toán thẩm định của phòng Tài chính - Kế hoạch					Ghi chú
			Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng dự toán (đồng)	
d	- Chi trích đo địa chính khu đất phục vụ công tác bồi thường và cắm mốc giải phóng mặt bằng xây dựng công trình và kiểm tra nghiệm thu (Đã được phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán tại Quyết định số 2333 QĐ-UBND ngày 07/12/2021 là 7.193.495 đồng)						7.153.520	
3	Chi cho công tác định giá đất						31,748,000	
-	Chi phí định giá đất cụ thể (đã được phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 2359 QĐ-UBND ngày 13 12 2021 là 31.748.000 đồng) (Có dự toán riêng)						31.748.000	
4	Chi lập, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán các chỉ tiêu bồi thường đến khâu phê duyệt phương án bồi thường, thông báo công khai phương án bồi thường;						3,315,960	
-	- Chi tiền làm thêm giờ cho công chức, viên chức, người lao động: (Không quá 200h/năm. Lương Bq giờ: $(27,77+0,5+4,5)*1.490.000$ đồng/ 22 ngày/8 giờ/9 người*200% = 61.650 đồng)	Người/ Ngày/Giờ	3	4	6	46,055	3.315.960	Chi tiền làm thêm giờ cho công chức, viên chức, người lao động: (Không quá 200h năm) Lương bình quân giờ: (Hệ số theo bảng lương tháng 5 của đơn vị: $23,83+0,65$)*1.490.000 đồng/ 22 ngày/8 giờ/9 người*200% = 46.055 đồng
5	Chi thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;						10,020,458	
a	10% kinh phí chuyển vào tài khoản của Phòng Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước để chi cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp thực hiện công tác thẩm định phương án, phê duyệt phương án và các công việc khác có liên quan.	Đồng					5.010.229	
b	4% kinh phí chuyển vào tài khoản của Phòng Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước tính để thực hiện thẩm định giá đất cụ thể;	Đồng					2.004.092	
c	4% kinh phí chuyển vào tài khoản của Phòng Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước tính để chi cho công tác xác định giá đất cụ thể.	Đồng					2.004.092	
d	2% kinh phí chuyển tài khoản của Phòng Tài chính Kế hoạch mở tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư;	Đồng					1.002.046	
6	Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe						11,960,500	
a	- Chi văn phòng phẩm giấy, bút, CCDC, thiết bị văn phòng						2.083,500	
	<i>Chi tiết</i>						2,083,500	
1	Giấy A4	Gam			5	80,000	400,000	
2	Giấy A3	Gam			1	150,000	150,000	
3	Bút ký	Hộp			1	480,000	480,000	
4	Bút cello	Hộp			1	120,000	120,000	
5	Bút bi 023	Hộp			1	60,000	60,000	
6	Giấy nhớ nhiều màu	Tập			2	15,000	30,000	
7	Gim kẹp 51	Hộp			2	25,000	50,000	
8	Gim kẹp 41	Hộp			2	15,000	30,000	
9	Gim kẹp 32	Hộp			2	12,000	24,000	
10	Gim kẹp 19	Hộp			2	6,000	12,000	
11	Gim kẹp 15	Hộp			2	4,000	8,000	
12	Túi cùc to	Cái			3	3,500	10,500	
13	Nước rửa chén	Chai			1	30,000	30,000	
14	Nước lau sàn	Chai			1	33,000	33,000	
15	Nước rửa tay	Chai			1	70,000	70,000	
16	Gim cài	Hộp			2	35,000	70,000	
17	Túi bóng	Cái			2	60,000	120,000	
18	Cặp trình ký da	Cái			1	80,000	80,000	
19	Cặp 3 dây	cái			5	20,000	100,000	

TT	Hạng mục chi phí	Đơn vị	Giá trị dự toán thẩm định của phòng Tài chính - Kế hoạch					Ghi chú
			Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng dự toán (đồng)	
20	Giấy vệ sinh	dây			1	60,000	60,000	
21	Bìa A4	gam			1	35,000	35,000	
22	Băng dính xanh	cây			1	70,000	70,000	
23	Khăn lau	cái			1	18,000	18,000	
24	Chậu nhựa	Cái			1	20,000	20,000	
25	Búi rửa chén	Cái			1	3,000	3,000	
b	- Chi mục máy photocopy, máy in, bao hành, bao trì máy tính, máy in						1.900.000	
	Mực máy photo	hộp			1	1,150,000	1,150,000	
	Mực in	hộp			1	250,000	250,000	
	Sửa chữa bao hành, bao trì máy móc thiết bị....						500,000	
c	- Chi xăng xe cho công chức, viên chức (500.000 đồng/tháng) năm 2022	Người	5	20	3	26.590	7.977.000	
7	Các khoản chi khác liên quan trực tiếp tới công tác bồi thường GPMB (theo Quyết định giao dự toán số 235/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 và Quyết định 1260/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND thành phố Lai Châu						4,000,000	
	- Tiền chè nước						150.000	(01 kg chè khô/tháng x 01 tháng x 150.000 đồng/kg)
	- Quần áo bảo hộ lao động cho CCVC-NLĐ						2.000.000	
	- Phí vệ sinh môi trường						500.000	
	- Các khoản phí và lệ phí						500.000	
	- Chi thanh toán cước phí điện thoại (3 máy x 200.000 đ/ tháng * 12 tháng)						600.000	- Chi thanh toán cước phí điện thoại (3 máy x 200.000 đồng tháng * 01 tháng)
	- Chi thanh toán cước bưu chính, tem thư, sách báo tạp chí, chuyên phát nhanh (250.000 đồng/ tháng * 12 tháng)						250.000	- Chi thanh toán cước bưu chính, tem thư, sách báo tạp chí, chuyên phát nhanh (250.000 đồng tháng * 01 tháng)



